

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày: 11- 9 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thiệu Khắc Yên

Bà Nguyễn Thị Anh

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2019/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức L, sinh ngày 25/6/1984

Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức H và bà Hoàng Thị L; Có vợ là Vũ Thị T và 01 con sinh năm 2008.

Tiền án: Ngày 10/6/2016 bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội " Cướp giật tài sản", chấp hành bản án xong ngày 08/02/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/7/2015 bị Công an xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000đồng đối với hành vi " Trộm cắp tài sản", bị cáo chưa nộp tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2019 " Có mặt"

2. Đặng Văn N, sinh ngày 01/01/1958

Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T (đã chết) và bà Lê Thị X; Có vợ là Ngô Thị H và 03 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1989.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam " Có mặt"

- Bị hại:

+ Anh Lê Trọng L, sinh năm 1987 " Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ông Đồng Ngọc L, sinh năm 1952 " Có mặt"

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng:

+ Anh Vũ Đình M, sinh năm 1972 " Vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1974 " Vắng mặt"

Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 07/11/2018 Nguyễn Đức L đi xe đạp hiệu Thống Nhất, cầm theo 01 đèn pin đi từ nhà theo Quốc lộ 45 để bắt ếch, khi đến nhà anh Lê Trọng L, Nguyễn Đức L thấy tại hè nhà anh L có 01 xe ô tô tải đang đậu, L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trên xe, quan sát thấy phía bên hông xe ô tô có 01 bình ắc quy được đựng trong một hộp sắt nên đã đi tìm dụng cụ để cạy phá lấy tài sản. Khi tìm được 01 cái kéo và 01 thanh sắt ở vỉa hè trước nhà anh Lê Trọng L, Nguyễn Đức L đã sử dụng thanh sắt cạy hộp đựng bình ắc quy, dùng kéo cắt dây điện nối bình ắc quy với xe ô tô tải, rồi lấy chiếc bình ắc quy mang về nhà. Trên đường về, L đã ném thanh sắt và cái kéo xuống mương nước ven đường. Đến sáng ngày 08/11/2018 khi anh Lê Trọng L phát hiện bị mất bình ắc quy của xe ô tô, qua kiểm tra Camera của gia đình, phát hiện thấy 01 đối tượng giống Nguyễn Đức L, sau đó đã báo cáo Công an xã V, huyện N, cùng ngày Công an xã V đã triệu tập L đến làm việc, L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và tự nguyện giao nộp 01 bình ắc quy.

Theo báo cáo của anh Lê Trọng L: 01 bình ắc quy mà anh bị trộm cắp là loại ắc quy hiệu DONGNAI, loại N50Z, 60AH-12V màu trắng đen do anh mua vào đầu năm 2018 với giá 1.340.000đ. Ngoài ra anh khai báo còn bị mất: 01 thanh sắt loại Phi 10, dài khoảng 30cm, được cắt ra từ cuộn thép Phi 10 (đường kính 01cm), tại thời điểm bị mất trộm thanh sắt có giá trị khoảng 2.000đ và 01 chiếc kéo, chất liệu bằng thép, tay cầm bọc nhựa màu đỏ, dài 30cm, bản kéo vị trí rộng nhất 03cm do anh mua từ đầu năm 2018 với giá 50.000đ, hiện tại chiếc kéo có giá trị khoảng 20.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/ĐGTS ngày 15/5/2019 Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Nông Công đã kết luận: 01 bình ắc quy hiệu DONGNAI, loại N50Z, 60AH-12V đã qua sử dụng có giá trị 800.000đồng

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/ĐGTS ngày 24/5/2019 Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Nông Công đã tiến hành định giá đối với 01 thanh sắt loại Phi 10, dài 30cm đã qua sử dụng, có giá trị 2.000đ; 01 chiếc kéo, chất liệu bằng sắt, tay cầm bọc nhựa màu đỏ, dài 30cm, bản kéo vị trí rộng nhất 03cm đã qua sử dụng, có giá trị 20.000đ. Tổng giá trị số tài sản định giá là 822.000đồng.

Căn cứ vào kết quả tra cứu tại cơ quan có thẩm quyền, xác định: Ngày 10/6/2016 Nguyễn Đức L bị Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội: " Cướp giật tài sản" (Bản án số 145/HSST), bị cáo chấp hành bản án trên xong vào ngày 8/02/2017. Do vậy, vào ngày 16/5/2019 cơ quan CSĐT công an huyện Nông Công đã ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Nguyễn Đức L về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS để tiến hành điều tra theo quy định.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài hành vi thực hiện trộm cắp tài sản trên, Nguyễn Đức L cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vào sáng 04/12/2018 Nguyễn Đức L cùng Vũ Đình M đến nhà Đặng Văn N chơi, trong lúc ngồi nói chuyện thì N nói với L nếu trộm cắp được cây hoa mẫu đơn ở nhà ông Đồng Ngọc L cho N thì N trả cho L 2.000.000đ, rồi N nói địa điểm nhà ông L cho L biết, sau đó L và M đi về. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, M và L lại đến nhà N chơi, sau đó L bảo N chờ L đi đến địa điểm nơi có cây hoa mẫu đơn để L lấy trộm. N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream (không biển kiểm soát) của mình chở L đến nhà ông Đồng Ngọc L chỉ cho L biết vị trí cây hoa mẫu đơn, sau đó cả hai về nhà N rồi M và L đi về nhà.

Đến đêm 07/12/2018 lợi dụng trời mưa, Nguyễn Đức L đã điều khiển xe đạp, hiệu Thống Nhất của L mang theo 01 thanh sắt và 01 chiếc kìm đến nhà ông

L để thực hiện việc trộm cắp tài sản. Khi đi gần đến nơi, L dựng xe cách nhà ông L khoảng 200m rồi đi bộ vào, đến nơi L thấy cửa ngõ nhà ông L không khóa nên đã đẩy cửa đi vào khu vực vườn nhà ông L nơi trồng cây hoa mẫu đơn, rồi dùng thanh sắt đào bới đất xung quanh gốc cây, dùng tay đẩy cây bật gốc lên và rũ bỏ hết đất ở gốc, sau đó vác cây ra ngoài nơi để xe đạp, dùng kim cắt hết tán lá và hoa của cây cho thuận tiện trong việc di chuyển rồi đặt cây lên xe đạp chở về nhà.

Đến sáng 08/12/2018 L đến nhà N nói đã lấy được cây hoa mẫu đơn và bảo N đến nhà chở cây về. Nghe L nói vậy, N đã nhờ anh Đỗ Văn H chở đến nhà L để lấy cây. Khi tới nơi, anh H dựng xe đứng ở ngoài đường, còn N đi bộ vào nhà L, theo như thỏa thuận từ trước, N đưa cho L 2.000.000đ và lấy cây mang ra ngoài rồi cùng anh H đi về. Đến ngày 10/12/2018 Hoàng Như B, sinh năm 1985 ở Tiểu khu Đ, thị trấn N đến nhà Đặng Văn N nói cây hoa mẫu đơn đó là của người nhà và đề nghị cho B chuộc lại cây bằng số tiền N đã mua, N đồng ý cho chuộc. Khi B đi về nhà trước, N vào lấy cây hoa mẫu đơn đem theo, khi đến nhà B, Đặng Văn N thấy trong nhà B có đông người nên đã để cây hoa mẫu đơn ở bên hông nhà của B rồi đi về. Đến ngày hôm sau, Đặng Văn N đến để lấy tiền chuộc cây thì không gặp B, hiện tại N không biết B ở đâu, làm gì cũng như không biết cây hoa mẫu đơn hiện ở đâu. Quá trình điều tra giải quyết vụ việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã triệu tập Hoàng Như B đến trụ sở làm việc. Tuy nhiên, B không có mặt tại địa phương, hiện tại chính quyền địa phương không biết B đi đâu, làm gì. Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Theo báo cáo của ông Đồng Ngọc L: Tài sản ông bị trộm cắp vào đêm 07/12/2018 là 01 cây cảnh loại cây hoa mẫu đơn, hoa màu đỏ, loại thân một, cao khoảng 1,2m, tán lá hình mâm xôi, đường kính khoảng 1,5m; Thân cây có đường kính từ 6 – 10cm, cây hoa trên ông trồng được cách đây khoảng 30 năm, hiện tại ông không rõ giá trị, Tuy nhiên, ông trình bày, trước đây khoảng một tháng có người đến trả ông 30.000.000đ để được mua cây này, nhưng ông không bán.

Ngày 03/01/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống đã tiến hành định giá đối với cây hoa mẫu đơn trên. Tại bản kết luận định giá tài sản đã kết luận: Cây hoa mẫu đơn trên có giá trị 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đồng Ngọc L yêu cầu Nguyễn Đức L và Đặng Văn N phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền 20.000.000đ, bằng giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã định giá; Hiện Nguyễn Đức L và Đặng Văn N chưa bồi thường cho ông Đồng Ngọc L.

Đối với vụ án trộm cắp tài sản là bình ắc quy: sau khi Ban công an xã V triệu tập Nguyễn Đức L tới trụ sở để làm việc, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp bình ắc quy trên cho Ban công an xã; Đối với 01 thanh sắt loại Phi 10, dài khoảng 30cm và 01 chiếc kéo, chất liệu bằng sắt, tay cầm bọc nhựa màu đỏ, dài 30cm (của anh Nguyễn Trọng L) sau khi thực hiện hành vi trộm cắp xong, trên đường về, Nguyễn Đức L đã ném thanh sắt và cái kéo xuống mương nước ven đường, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy; Ngày 15/11/2018 Ban công an xã V đã trả lại 01 bình ắc quy trên cho Lê Trọng L, anh L đã lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì khác về phần dân sự.

Trong hai lần thực hiện hành vi trộm cắp trên, Nguyễn Đức L đã sử dụng chiếc xe đạp, hiệu Thống Nhất của mình để làm phương tiện thực hiện trộm cắp tài sản, tháng 4 năm 2019 Lâm đã bán chiếc xe đạp cho một người thu mua sắt vụn qua đường không quen biết, còn chiếc đèn pin L không nhớ đã để ở đâu; Đối với 01 thanh sắt và 01 chiếc kim mà L mang theo từ nhà làm công cụ để sử dụng vào việc thực hiện trộm cắp tài sản là cây hoa mẫu đơn, trên đường đi về nhà L cũng đã vứt bỏ, Cơ quan Điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Đối với chiếc xe mô tô, hiệu Dream, không biển kiểm soát mà Đặng Văn N đã sử dụng để chở Lâm đi đến địa điểm nơi có cây hoa mẫu đơn để L lấy trộm là xe do N mua lại của 01 người bán sắt vụn không quen biết ở xã với giá 700.000đ vào năm 2015, đến đầu năm 2019 do chiếc xe bị hư hỏng nên N đã bán lại cho 01 người thu mua sắt vụn qua đường với giá 400.000đ, hiện chiếc xe trên đang ở đâu N không rõ.

Đối với Vũ Đình M: Đã điều khiển xe mô tô của mình chở Nguyễn Đức L đến nhà Đặng Văn N chơi và Đỗ Văn H điều khiển xe mô tô của mình chở N đến nhà L để lấy cây hoa mẫu đơn. Tuy nhiên, cả M và H đều không biết việc L và N bàn bạc việc trộm cắp tài sản, do vậy không có căn cứ để xử lý Vũ Đình M và Đỗ Văn H.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSNC, ngày 07/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống đã truy tố Nguyễn Đức L và Đặng Văn N về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND huyện Nông Cống giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1

Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 48 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức L.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 48; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức L từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 17/5/2019. Xử phạt bị cáo Đặng Văn N từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức L và Đặng Văn N, liên đới bồi thường cho ông Đồng Ngọc L số tiền 20.000.000đ, chia phần cụ thể: Bị cáo Nguyễn Đức L bồi thường 10.000.000đ; Bị cáo Đặng Văn N bồi thường 10.000.000đ.

Về vật chứng: Đối với số tiền 2.000.000đồng, bị cáo Lâm có được từ việc bán cây hoa mẫu đơn cho bị cáo N là khoản tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 500.000 đồng án phí DSST.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo Đặng Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai các bị hại, của những người làm chứng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ, ngày 07/11/2018 Nguyễn Đức L đã có hành vi trộm cắp tài sản của anh Lê Trọng L, gồm: 01 bình ắc quy hiệu DONGNAI, loại N50Z, 60AH-12V trị giá 800.000đồng, 01 thanh sắt loại Phi 10, dài khoảng 30cm giá trị 2.000đồng và 01 chiếc kéo trị giá 20.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Đức L trộm cắp của anh Lê Trọng L là 822.000đồng (Tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp trên, Nguyễn Đức L cùng Đặng Văn N cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là cây hoa mẫu đơn của ông Đồng Ngọc L như sau:

Do được Đặng Văn N xúi giục, hứa hẹn và chỉ địa điểm có tài sản để trộm cắp, nên đêm ngày 07/12/2018 lợi dụng trời mưa, Nguyễn Đức L đã điều khiển xe đạp, hiệu Thống Nhất của L mang theo 01 thanh sắt và 01 chiếc kìm đến nhà ông Đồng Ngọc L để thực hiện việc trộm cắp 01 cây hoa mẫu đơn, trị giá 20.000.000đồng.

Đặng Văn N tuy không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp cây hoa mẫu đơn, nhưng đã có hành vi xúi giục và giúp sức cho Nguyễn Đức L bằng cách hứa trả 2.000.000đồng nếu L trộm cắp được tài sản mang về cho mình và đã điều khiển xe mô tô của mình chở Lâm đến nhà ông Đồng Ngọc L, chỉ cho L biết vị trí cây hoa mẫu đơn, để L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của Đặng Văn N đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với vai trò đồng phạm. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống đối với các bị cáo Nguyễn Đức L và Đặng Văn N về tội " Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, các bị cáo đều nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Đánh giá tính chất đồng phạm đối với hành vi trộm cắp tài sản là cây hoa mẫu đơn, bị cáo N là người xúi giục bằng cách hứa trả 2.000.000đ nếu L trộm cắp được tài sản mang về cho mình, cung cấp thông tin về tài sản trộm cắp cho bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo L là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, các bị cáo có vai trò ngang nhau trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Đức L: Ngày 10/6/2016 bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạm 01 năm tù về tội " Cướp giật tài sản", bị cáo chấp

hành án xong ngày 08/02/2017, đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là cây hoa mẫu đơn bị cáo chưa được xóa án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm. Cả hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản" nên bị cáo chịu tình tiết tăng nặng là " Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Đối với bị cáo N: Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Đức L khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để trừng trị và giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Đặng Văn N, bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[8] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Trọng L đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là chiếc bình ắc quy, đối với 01 thanh sắt loại Phi 10 và 01 chiếc kéo , anh Lê Trọng L không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường nên HĐXX không xem xét. Đối với ông Đồng Ngọc L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 20.000.000đồng, nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông L.

[10] Vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 2.000.000đ bị cáo L có được từ việc bán cây hoa mẫu đơn cho bị cáo N, là tiền bị cáo có được do phạm tội mà có, nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

01 Bình ắc quy hiệu DONGNAI, loại N50Z, 60AH-12V đã trả lại cho bị hại Lê Trọng Lâm. 01 thanh sắt và 01 chiếc kéo anh Lê Trọng Lâm không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không xem xét.

Đối với các vật chứng là chiếc xe đạp, 01 thanh sắt, 01 chiếc kìm của bị cáo L; 01 xe mô tô hiệu Dream, không biển kiểm soát của bị cáo N và 01 cây hoa mẫu

đơn. Các vật chứng trên Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không có kết quả, nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST. Bị cáo N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức L và Đặng Văn N, phạm tội " Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 48 và Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Đức L.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 48; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Đặng Văn N.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức L 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 17/5/2019.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn N cho UBND thị trấn Ng, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức L và Đặng Văn N, liên đới bồi thường cho ông Đồng Ngọc L số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng). Chia phần cụ thể: Bị cáo Nguyễn Đức L bồi thường 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), bị cáo Đặng Văn N bồi thường 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, đến thời điểm thi hành án, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án số tiền trên, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do phạm tội mà có.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a, c khoản 1

Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Đức L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 500.000 đồng án phí DSST.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí HSST và án phí DSST đối với bị cáo Đặng Văn N .

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- THADS huyện Nông Cống;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn